

Bản án số: 38/2023/HNGĐ-ST.

Ngày 17 - 03 - 2023.

V/v: “Tranh chấp ly hôn”.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRỰC NINH, TỈNH NAM ĐỊNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Chu Thái Hà.

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Hoàng Thị Thu Hương

Ông Phạm Hồng Thái

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thanh Hiếu - Thư ký TAND huyện Trực Ninh, tỉnh Nam Định.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Trực Ninh tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Thanh Tùng - Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 03 năm 2023, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Trực Ninh mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 197/2022/TLST-HNGĐ ngày 21 tháng 12 năm 2022 về việc xin ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 15/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 28 tháng 02 năm 2023, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Đỗ Thị H; sinh năm 1990; Nơi cư trú: TDP Đ, thị trấn C, huyện T, tỉnh Nam Định.

Bị đơn: Anh Vũ Văn S; sinh năm 1985; Nơi cư trú: TDP B, thị trấn C, huyện T, tỉnh Nam Định.

Tại phiên tòa: Chị H có đơn xin xét xử vắng mặt, anh S lần thứ 2 vắng mặt dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện xin ly hôn, bản tự khai, nguyên đơn là chị Đỗ Thị H trình bày:

Chị và anh Vũ Văn S có tìm hiểu và đăng ký kết hôn vào ngày 16 tháng 10 năm 2013 tại UBND thị trấn C, huyện T, tỉnh Nam Định. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hòa thuận, hạnh phúc nhưng từ năm 2014 vợ chồng phát

sinh mâu thuẫn và đã sống ly thân từ năm 2014 đến nay không ai quan tâm đến ai. Chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, không thể đoàn tụ được nên đề nghị ly hôn.

Về con chung: Vợ chồng chị có 01 con chung là Vũ Thị T, sinh ngày 14/09/2014. Hiện con chung đang ở cùng với chị. Sau khi ly hôn, chị có nguyện vọng được nuôi con chung và không yêu cầu anh S cấp dưỡng tiền nuôi con.

Về tài sản chung, công nợ: Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 14/02/2023 bà Phạm Thị N (mẹ đẻ của anh Vũ Văn S) trình bày:

Gia đình bà đã nhận được các thông báo thụ lý, giấy triệu tập của Tòa án về việc chị H có đơn xin ly hôn với anh S và bà có thông báo cho anh S được biết. Nhưng vì lý do công việc nên anh S không đến Tòa làm việc được. Anh S có nói với bà là việc ly hôn là việc của chị H, tùy chị H quyết định.

Về con chung: Vợ chồng anh S có 01 con chung như chị H trình bày. Hiện con chung đang ở với chị H. Về con chung sau khi ly hôn anh S không có ý kiến gì.

Về tài sản chung, công nợ chung: Vợ chồng anh S, chị H không có tài sản chung, công nợ chung vì vợ chồng chỉ sống với nhau một thời gian ngắn.

Đối với các văn bản mà Tòa án gửi về cho anh S thì bà nhận trách nhiệm nhận và thông báo nội dung cho anh S được biết.

Đại diện VKSND huyện Trực Ninh vắng mặt tại phiên tòa nhưng đã có văn bản nêu quan điểm:

Về thủ tục tố tụng: Việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa của Thẩm phán và HĐXX đúng quy định của BLTTDS. Nguyên đơn đã chấp hành nghiêm chỉnh quy định về quyền và nghĩa vụ của nguyên đơn theo quy định tại các Điều 70; 71 BLTTDS;

Bị đơn mặc dù đã được tổng đạt các văn bản tố tụng của Tòa án nhưng không có mặt và không xuất trình chứng cứ chứng minh cho yêu cầu của mình, không có mặt tại phiên tòa là vi phạm quy định về quyền và nghĩa vụ của bị đơn theo quy định tại các Điều 70; 72 BLTTDS.

Việc Tòa án mở phiên tòa xét xử vụ án khi nguyên đơn có đơn xét xử vắng mặt, bị đơn vắng mặt dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ 2 là đúng quy định tại Điều 228; 238 BLTTDS.

Về nội dung: Xét thấy vợ chồng chị H, anh S mâu thuẫn trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, nên đề nghị HĐXX áp dụng các Điều 51, 56 Luật Hôn nhân và gia đình chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của chị Đỗ Thị H.

Về con chung: Giao cho chị Đỗ Thị H tiếp tục nuôi dưỡng con chung là Vũ Thị T, sinh ngày 14/09/2014. Việc chị H không yêu cầu anh S cấp dưỡng

tiền nuôi con là hoàn toàn tự nguyện nên được chấp nhận.

Về tài sản, công nợ: Đương sự không đề nghị giải quyết nên không xem xét.

Về án phí: Chị H phải nộp theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tiến hành các thủ tục tổng đạt văn bản tố tụng cho nguyên đơn, bị đơn được biết. Việc Tòa án mở phiên tòa xét xử vụ án khi nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt, bị đơn vắng mặt lần thứ 2 dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ là đúng quy định tại Điều 228; 238 BLTTDS.

Bị đơn mặc dù đã được tổng đạt các văn bản tố tụng của Tòa án nhưng không có mặt và không xuất trình chứng cứ chứng minh cho yêu cầu của mình, không có mặt tại phiên tòa là vi phạm quy định về quyền và nghĩa vụ của bị đơn theo quy định tại các Điều 70; 72 BLTTDS.

[2] Về tình cảm: Chị Đỗ Thị H và anh Vũ Văn S có tìm hiểu và đăng ký kết hôn vào ngày 16 tháng 10 năm 2013 tại UBND thị trấn Cát Thành, huyện Trục Ninh, tỉnh Nam Định. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hòa thuận, hạnh phúc nhưng từ năm 2014 thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn. Vợ chồng đã sống ly thân từ năm 2014 nay.

Sau khi chị H có đơn khởi kiện xin ly hôn, Tòa án đã thông báo nội dung khởi kiện và nhiều lần triệu tập cho anh S được biết nhưng anh S vắng mặt không có lý do. Chị H nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, không thể hàn gắn được nữa nên chị đề nghị Tòa án không tiến hành hoà giải nữa.

Ngày 14/02/2023, tại biên bản lấy lời khai bà Phạm Thị N (mẹ đẻ của anh Vũ Văn S) trình bày: Gia đình bà đã nhận được các thông báo thụ lý, giấy triệu tập của Tòa án về việc chị H có đơn xin ly hôn với anh S và bà có thông báo cho anh S được biết. Nhưng vì lý do công việc nên anh S không đến Tòa làm việc được. Anh S có nói với bà là việc ly hôn là việc của chị H, tùy chị H quyết định.

Hội đồng xét xử xét thấy: Chị H và anh S đã phát sinh mâu thuẫn từ lâu, tình cảm vợ chồng không còn, quan hệ hôn nhân giữa chị H và anh S đã thực sự tan vỡ, mục đích của hôn nhân không đạt được, không thể đoàn tụ được nữa nên việc chị H xin ly hôn là phù hợp với quy định của pháp luật nên được HĐXX chấp nhận.

[3] Về con chung: Xét yêu cầu của các đương sự về việc nhận nuôi con chung HĐXX thấy: Vợ chồng chị H và anh S có 01 con chung là Vũ Thị T, sinh ngày 14/09/2014. Hiện con chung đang ở cùng với chị H.

Sau khi ly hôn, chị H có nguyện vọng được nuôi dưỡng con chung và không yêu cầu anh S cấp dưỡng tiền nuôi con.

Để đảm bảo việc chăm sóc nuôi dưỡng con chung cần giao cho chị H rách nhiệm nuôi dưỡng con chung của vợ chồng. Việc chị H không yêu cầu anh S cấp dưỡng là tự nguyện, phù hợp với quy định của pháp luật nên được chấp nhận.

Anh S có thể khởi kiện bằng vụ kiện khác về thay đổi nuôi con nếu như có yêu cầu và có căn cứ chứng minh yêu cầu của mình là có căn cứ và đúng pháp luật.

[4] Về tài sản chung, công nợ: Đương sự không đề nghị giải quyết nên không xem xét.

Các đương sự có thể khởi kiện bằng vụ kiện khác về tài sản chung, công nợ nếu như có yêu cầu và có căn cứ chứng minh yêu cầu của mình là có căn cứ và đúng pháp luật.

[5] Về án phí: Chị H phải nộp theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 51, 56, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng về án phí và lệ phí Tòa án:

1. Xử lý hôn giữa chị Đỗ Thị H và anh Vũ Văn S.

2. Về con chung: Giao cho chị Đỗ Thị H tiếp tục nuôi dưỡng con chung là Vũ Thị T, sinh ngày 14/09/2014. Chấp nhận sự tự nguyện của chị H về việc không yêu cầu anh S cấp dưỡng tiền nuôi con chung.

Hiện tại con chung Vũ Thị T đang ở cùng với chị H. Anh S có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung sau ly hôn mà không ai được cản trở nhưng không được lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung.

3. Án phí: Chị Đỗ Thị H phải nộp 300.000 đồng án phí dân sự. Được trừ với số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng chị H đã nộp theo biên lai thu tiền số 0002188 ngày 21/12/2022 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Trục Ninh, tỉnh Nam Định. Chị H đã nộp xong án phí ly hôn sơ thẩm.

4. Quyền kháng cáo: Đương sự vắng mặt tại phiên toà có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ theo quy định của BLTTDS.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án

hoặc bị cưỡng chế Thi hành án theo các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu Thi hành án được thực hiện theo Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND huyện Trực Ninh;
- Chi cục THADS huyện Trực Ninh;
- UBND thị trấn C;
- UBND thị trấn C;
- Lưu HS, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký và đóng dấu)

Chu Thái Hà